

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **20/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 30/3/2021

V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh Đa.

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Xuronne.
2. Ông Nguyễn Văn Khanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa: Ông Dương Thanh Hậu – Kiểm sát viên.

Ngày 30/3/2021 tại phòng xử án thuộc trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 501/2020/TLST-HNGĐ ngày 12/11/2020 về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/02/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 12/3/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Võ Hoàng N**, sinh năm 1998 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp X, xã B, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn: Ông **Huỳnh Văn L**, sinh năm 1997 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Y, xã B, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

3. Người làm chứng: Bà **Nguyễn Thị V**, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Y, xã B, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, qua xem xét lời khai và yêu cầu của các đương sự, qua xét hỏi trước tòa, nội dung vụ án được xác định như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/9/2020, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Võ Hoàng N trình bày: Bà N và ông L cưới nhau trên tinh thần tự nguyện vào năm

2018 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Ông bà có một người con chung tên Huỳnh Thị Kim C, sinh ngày 27/10/2018. Sau một thời gian chung sống, bà N và ông L phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau do bất đồng quan điểm. Ông L thường xuyên thiếu nợ và có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Nay bà N nhận thấy đời sống vợ chồng giữa bà và ông L không thể kéo dài nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Huỳnh Văn L; Về con chung: Bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Huỳnh Thị Kim C, sinh ngày 27/10/2018. Theo đơn khởi kiện, bà có yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa, bà N thay đổi yêu cầu khởi kiện, theo đó, bà không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Huỳnh Văn L: Từ khi Tòa án thụ lý giải quyết cho đến nay, ông L không tham gia tố tụng nên Tòa án không thể thu thập được lời khai và yêu cầu của ông L.

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách phát biểu ý kiến:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 như thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, quan hệ tranh chấp, thu thập chứng cứ. Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Riêng bị đơn không chấp hành nghiêm theo Giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung giải quyết vụ án: Bà N và ông L kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, hôn nhân không thể tồn tại được, nên bà N kiên quyết yêu cầu xin ly hôn với ông L. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận khởi kiện yêu cầu ly hôn của bà N. Về con chung: cháu Huỳnh Thị Kim C, sinh ngày 27/10/2018 hiện đang sống ổn định với bà N, bà N có yêu cầu trực tiếp nuôi con chung, ông L không tham gia tố tụng để có ý kiến về con chung. Theo khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.* Do đó, giao cháu C cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông L không ai được quyền ngăn cản theo quy định tại Điều 58 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Về cấp dưỡng nuôi con chung, về tài sản chung, nợ chung: không đặt ra xem xét do đương sự không yêu cầu.

Từ những phân tích nêu trên, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83,

107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như đã phân tích trên.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Xét thấy tại phiên tòa, bị đơn ông Huỳnh Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Người làm chứng bà Nguyễn Thị Vân vắng mặt nhưng đã cung cấp lời khai cho Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228, 229 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn và người làm chứng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Võ Hoàng N thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Bà N không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung thay vì bà yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi). Hội đồng xét xử xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên được chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Hoàng N và ông Huỳnh Văn L chung sống với nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên được pháp luật công nhận hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, bà N và ông L phát sinh nhiều mâu thuẫn, ly thân từ tháng 06/2020 đến nay. Hội đồng xét xử thấy rằng, quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của hai bên, bà N và ông L sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn, ly thân đã lâu. Ông L cũng không đến Tòa tham gia tố tụng, không tham gia hòa giải nên chưa có thiện chí hàn gắn, mục đích hôn nhân không thể đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N.

[2.2] Về con chung: Bà N và ông L có 01 con chung tên Huỳnh Thị Kim C, sinh ngày 27/10/2018. Cháu C dưới 36 tháng tuổi và hiện đang sống với bà N nên cần tiếp tục ổn định môi trường sống của cháu. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cần xem xét giao con cho bà N nuôi dưỡng cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà N không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát: Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách như đã phân tích trên.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, 228; khoản 1 Điều 244; Điều 271, 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

TUYÊN XỬ:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Hoàng N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Hoàng N được ly hôn với ông Huỳnh Văn L.

2. Về con chung: Giao cháu Huỳnh Thị Kim C, sinh ngày 27/10/2018 cho bà Võ Hoàng N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi. Ghi nhận bà N không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con. Ông L được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, bà Võ Hoàng N phải chịu là 300.000 đồng, được khấu trừ vào Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006765 ngày 09/11/2020 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng đã thu.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đối với người vắng mặt được tính từ ngày

nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật, để Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xử phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Linh Đa